

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

**BÀI: Hoạt động thương mại giữa Việt Nam với thị trường New Zealand trong
tháng 9/2024**

THUỘC NHIỆM VỤ

**“Thu thập, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin phục vụ triển khai
hiệp định CPTPP năm 2024”**

Hà Nội, 2024

Hoạt động thương mại giữa Việt Nam với thị trường New Zealand trong tháng 9/2024

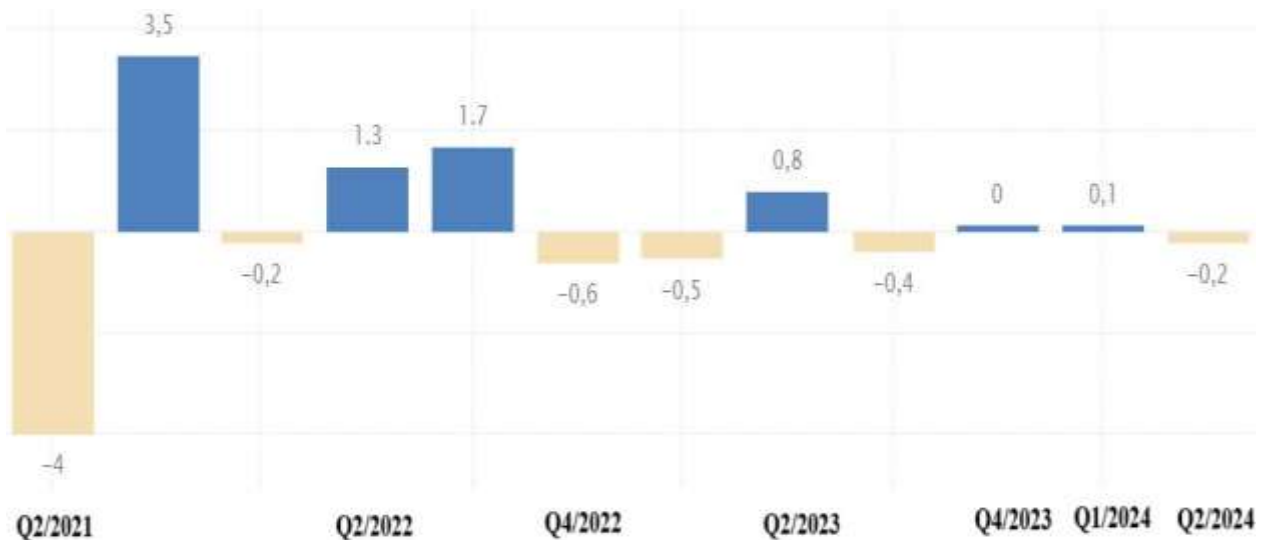
Tình hình kinh tế của thị trường New Zealand:

- **Tăng trưởng GDP:** Theo Báo cáo tài chính của Ngân hàng trung ương New Zealand (RBNZ), hoạt động sản xuất – kinh doanh trong nước suy yếu kết hợp với tăng trưởng toàn cầu chậm khiến kinh tế New Zealand giảm rõ rệt. Tỷ lệ thất nghiệp gia tăng ảnh hưởng nghiêm trọng đến chi tiêu của các hộ gia đình ⁽¹⁾. Nhu cầu giảm khiến doanh thu của doanh nghiệp cũng giảm, cùng với áp lực chi phí kéo dài đã khiến môi trường thương mại trở nên khó khăn hơn đối với các doanh nghiệp.

Theo số liệu của Tradingeconomics, GDP của New Zealand quý 2/2024 giảm 0,2% sau khi tăng 0,1% trong quý 1/2024. Ngân hàng trung ương New Zealand ước tính nền kinh tế tiếp tục suy giảm trong quý 3/2024 do RBNZ tăng lãi suất tiền mặt để kiềm chế lạm phát.

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của New Zealand từ Q2/2021 -Q2/2024

Đơn vị tính: %

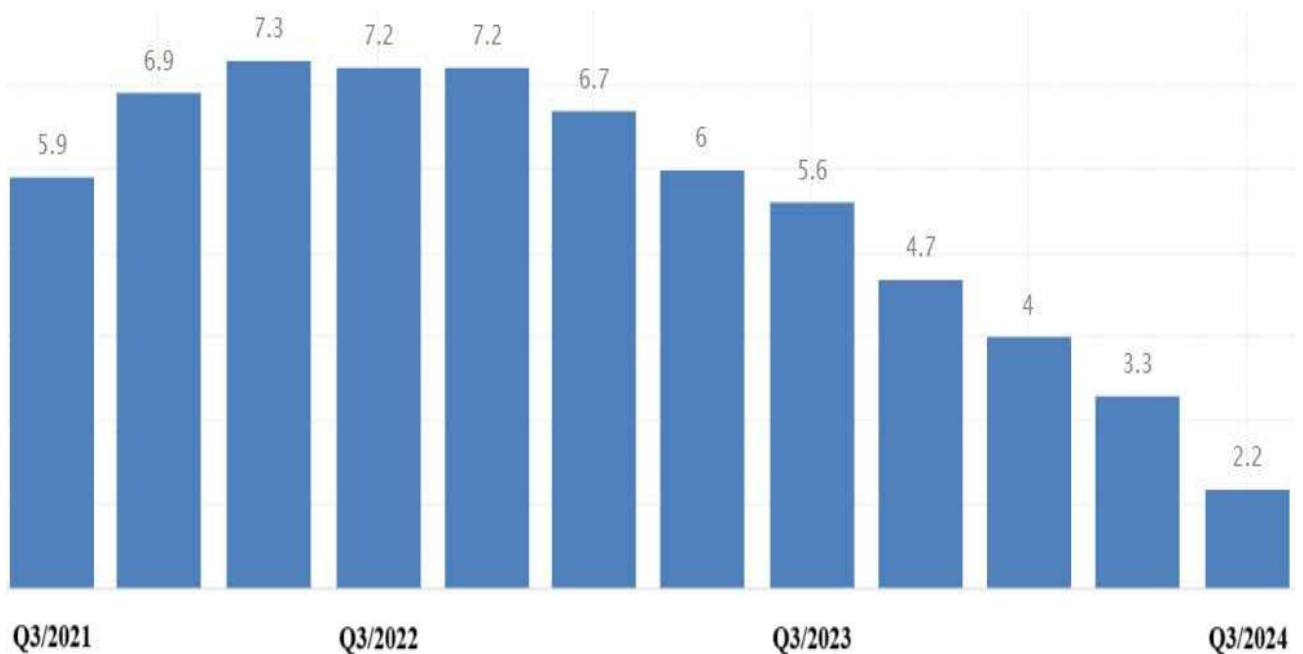


¹ <https://www.reuters.com/markets/new-zealand-central-bank-paints-grim-economic-outlook-2024-11-05/>

Nguồn: *Tradingeconomics*

- **Lạm phát:** Tỷ lệ lạm phát hàng năm ở New Zealand đã giảm từ mức 3,3% trong quý 2/2024 xuống còn 2,2% trong quý 3/2024. Chi phí tiếp tục tăng với tốc độ chậm hơn đối với giải trí và văn hóa (+2,3% so với +2,4% trong quý 2); truyền thông (+3,8 so với +5,2% trong quý 2); quần áo (+0,9 so với +1,4% trong quý 2); hàng hóa và dịch vụ hỗn hợp (+6,2% so với +7% trong quý 2) và đồ uống có cồn và thuốc lá (+6,3% so với +6,9% trong quý 2). Trong khi đó, giá cả giảm đối với giao thông vận tải (-5,3% so với +3,5% trong quý 2) và giáo dục (-4% so với 5,2% trong quý 2). Mặt khác, chi phí tăng với tốc độ nhanh hơn đối với thực phẩm (+0,7% so với +0,2% trong quý 2); nhà ở và tiện ích hộ gia đình (+0,1% so với -1,2% trong quý 2).

Biểu đồ 2: Tỷ lệ lạm phát của New Zealand từ quý 3/2021 đến quý 3/2024



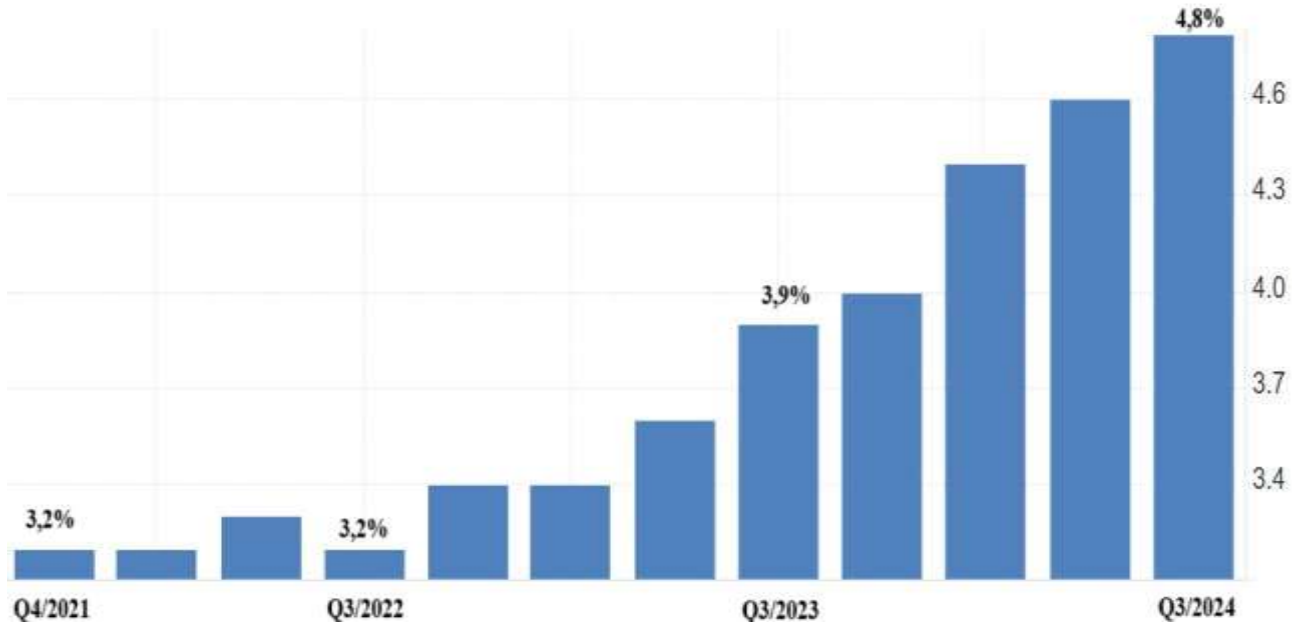
Nguồn: *Tradingeconomics*

- **Tỷ lệ thất nghiệp:** Tỷ lệ thất nghiệp của New Zealand đã tăng từ mức 4,6% trong quý 2/2024 lên 4,8% trong quý 3/2024, đạt mức cao nhất kể từ quý 4/2020. Tỷ lệ sử dụng lao động dưới mức là 11,6% trong tháng 9/2024, giảm so với mức 11,8%

trong tháng 6/2024. Trên cơ sở hàng năm, số lượng người thất nghiệp tăng 24,2%, tổng là 144.900 người (không điều chỉnh theo mùa). Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động đã điều chỉnh theo mùa trong quý 3/2024 là 71,2%.

Biểu đồ 3: Tỷ lệ thất nghiệp của New Zealand từ quý 4/2021 đến quý 3/2024

Đơn vị tính: %



Nguồn: Tradingeconomics

Tình hình thương mại của thị trường trong tháng

Theo số liệu của Cục Hải quan New Zealand, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của New Zealand tháng 9/2024 tăng 5,2% so với tháng 9/2023, đạt 5,0 tỷ NZD, chủ yếu do xuất khẩu một số sản phẩm như trái cây tăng 105% lên 454 triệu NZD; các sản phẩm thế mạnh khác như sữa bột, bơ và phô mai tăng 15,2% lên 1,1 tỷ NZD.

Xuất khẩu sang nhiều thị trường truyền thống của New Zealand như Trung Quốc, Úc, Nhật Bản... giảm nhưng xuất khẩu sang Hoa Kỳ - thị trường lớn thứ hai của New Zealand tiếp tục tăng so với cùng kỳ năm ngoái. Đặc biệt, kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của New Zealand sang EU tăng mạnh, đạt 454 triệu NZD trong tháng 9/2024, tăng 67,4% so với tháng 9/2023; xuất khẩu trong quý 3/2024 đạt hơn 1,35 tỷ NZD, tăng 30,1% so với cùng kỳ quý 3 năm ngoái.

Xuất khẩu riêng sang khu vực ASEAN cũng tăng khá với kim ngạch xuất khẩu trong tháng 9/2024 đạt 558 triệu NZD, tăng 17,9% so với tháng 9/2023 và xuất khẩu trong cả quý 3/2024 đạt 1,74 tỷ NZD, tăng 14,1% so với quý 3/2023.

Bảng 1: Xuất khẩu hàng hoá của New Zealand sang các thị trường tháng 9 và quý 3/2024

Khu vực/thị trường		T9/2024 (triệu NZD)	So T9/2023 (%)	Q3/2024 (triệu NZD)	So Q3/2023 (%)
Khu vực	châu Á	2.386	-0.2	7.734	2.1
	châu Âu	577	49.7	1.775	25.5
	OECD	2.461	9.6	7.984	7.8
	APEC	3.790	0.0	12.214	2.5
	EU	454	67.4	1.353	30.1
	ASEAN	558	17.9	1.744	14.1
Thị trường	Trung Quốc	1.138	-8.8	3.476	-6.1
	Hoa Kỳ	599	1.9	2.028	0.3
	Úc	758	-0.9	2.332	5.9
	Nhật Bản	243	-8.2	932	10.7
	Hàn Quốc	145	3.5	505	-7.4
	Singapore	131	0.3	369	-4.9
	Vương quốc Anh	108	8.2	368	10.9
	Đài Loan	101	4.6	374	2.2
	Indônêxia	105	17.5	357	15.7
	Malaysia	123	41.5	334	26.7

Khu vực/thị trường		T9/2024 (triệu NZD)	So T9/2023 (%)	Q3/2024 (triệu NZD)	So Q3/2023 (%)
	Thái Lan	76	17.2	265	17.5
	Hồng Kông	81	-6.0	317	23.2
	Ả Rập Xê út	96	54.8	270	41.7
	Các TVQ Arập Thống nhất	50	-14.2	176	0.8
	Hà Lan	83	31.3	264	20.4
	Canada	90	17.0	277	8.0
	Khu vực còn lại của châu Âu (ngoài EU)	109		377	111.3
	Việt Nam	58	1.0	208	16.1
	Philippines	61	45.2	201	29.1
	Angiêri	14	-68.1	41	-61.2

Nguồn: Hải quan New Zealand

Nhập khẩu hàng hoá của New Zealand tiếp tục có xu hướng giảm. Kim ngạch nhập khẩu của quốc gia này trong tháng 9/2024 giảm 0,9% so với tháng 9/2023, còn 7,1 tỷ NZD. Trong đó, kim ngạch nhập khẩu xe cộ, phụ tùng và phụ kiện giảm 41%, xuống còn 633 triệu NZD.

Mặc dù nhập khẩu hàng hoá từ Trung Quốc vẫn lớn nhất, chiếm khoảng 20,5% tỷ trọng về trị giá trong cơ cấu các nguồn cung của New Zealand, nhưng nhập khẩu từ Hoa Kỳ có sự tăng trưởng rõ rệt. Kim ngạch nhập khẩu từ Hoa Kỳ trong tháng 9/2024 tăng tới 51,4% so với tháng 9/2023, đạt 972 triệu NZD, chiếm 13,7% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của New Zealand, đưa kim ngạch nhập

khẩu trong 3 tháng quý 3/2024 của New Zealand lên gần 2,36 tỷ NZD, tăng 10,7% so với cùng kỳ năm trước.

Việt Nam hiện là nguồn cung lớn thứ 13 của New Zealand. Thị phần hàng hoá của Việt Nam tại New Zealand tuy mới chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu các nguồn cung của New Zealand nhưng đã mở rộng được hơn khi kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam nửa đầu năm 2023 chỉ chiếm 1,82% tỷ trọng và sang quý 3/2024 lên 2,29% tỷ trọng.

Bảng 2: Nhập khẩu hàng hoá của New Zealand từ các thị trường trong tháng 9 và quý 3/2024

Khu vực/thị trường		T9/2024 (triệu NZD)	So T9/2023 (%)	Q3/2024 (triệu NZD)	So Q3/2023 (%)
Khu vực	châu Á	3.698	-10.7	11.844	3.9
	châu Âu	1.372	4.8	3.850	-4.6
	OECD	4.125	4.5	12.190	1.4
	APEC	5.383	-2.3	16.429	3.4
	EU	1.085	1.1	3.004	-7.1
	ASEAN	1.133	-3.7	3.565	8.8
Thị trường	Trung Quốc	1.456	-9.8	4.418	-0.6
	Úc	751	0.9	2.289	-3.7
	Hoa Kỳ	972	51.4	2.358	10.7
	Hàn Quốc	575	-7.3	2.180	39.6
	Nhật Bản	293	-41.0	973	-29.6
	Singapore	398	-6.1	1.131	36.1
	Đức	339	5.7	867	-10.5
	Thái Lan	210	-6.6	736	-5.7
	Malaysia	158	-32.7	629	-23.8
	Vương quốc Anh	228	26.5	668	5.8
	Italia	161	18.2	445	-1.6
	Pháp	144	2.3	400	-1.0
	Việt Nam	159	8.6	489	12.0

Indonesia	180	46.1	487	44.0
Ấn Độ	114	15.3	338	0.4
Đài Loan	80	-12.0	242	-8.2
Canada	55	2.8	172	-0.1
Hà Lan	59	-4.6	174	-9.3
Tây Ban Nha	49	-17.8	194	-7.3
Thụy Sĩ	48	2.2	145	1.4
Bỉ	51	-5.2	136	-5.2
Mexico	36	-15.3	141	-26.5
Đan Mạch	43	12.7	108	1.9
Phần Lan	39	-17.7	112	4.9
Thụy Điển	29	2.9	98	-0.5

Nguồn: Hải quan New Zealand

Nhập khẩu hàng hoá tuy giảm nhưng kim ngạch nhập khẩu vẫn cao hơn so với xuất khẩu khiến New Zealand tiếp tục thâm hụt thương mại 2,1 tỷ NZD.

Tình hình xuất nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam với thị trường New Zealand

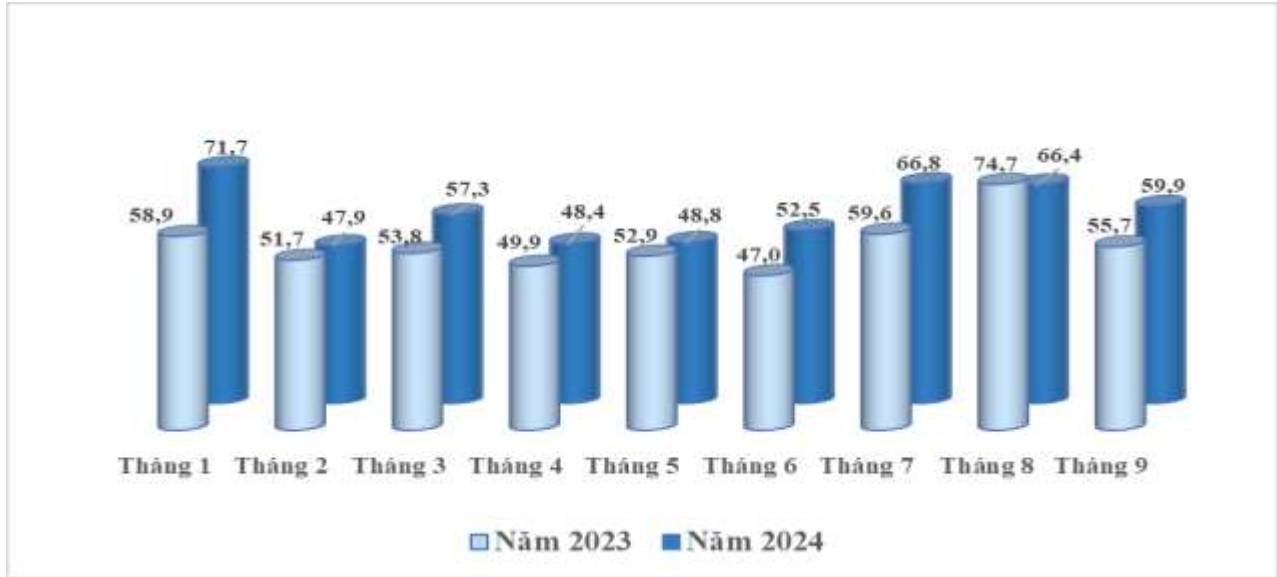
Kể từ khi FTA thế hệ mới là Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) có hiệu lực, cán cân thương mại của Việt Nam với New Zealand ngày càng được cải thiện. Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa với New Zealand có sự thay đổi tích cực rõ rệt: Tính trong giai đoạn 9 tháng năm 2022, Việt Nam thâm hụt thương mại ở mức 33,65 triệu USD; 9 tháng năm 2023 mức thâm hụt thương mại giảm còn 21,28 triệu USD; nhưng sang 9 tháng năm 2024, Việt Nam đã đạt thặng dư thương mại 70,58 triệu USD.

Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang New Zealand

Kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam sang New Zealand tháng 9/2024 tăng 7,42% so với tháng 9/2023, đạt 59,86 triệu USD, nâng tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá sang thị trường này 9 tháng đầu năm nay lên 523,12 triệu USD, tăng 3,74% so với cùng kỳ năm ngoái, chiếm 0,17% tổng trị giá xuất khẩu các mặt hàng của Việt Nam sang các thị trường thế giới.

Biểu đồ 4: Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang New Zealand trong 9 tháng năm 2023 -2024

Đơn vị tính: triệu USD



Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu hải quan

Xuất khẩu 7/11 các nhóm hàng của Việt Nam sang New Zealand tăng trong 9 tháng năm 2024. Trong đó, máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện là nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu cao thứ hai, chiếm 10,10% tỷ trọng về trị giá trong cơ cấu các mặt hàng xuất khẩu sang New Zealand, tăng 4,75% so với cùng kỳ năm trước, đạt 52,82 triệu USD.

Hàng dệt may là nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu cao thứ tư, chiếm 7,88% tỷ trọng, nhưng tăng mạnh đến 31,47%, đạt 41,24 triệu USD. Nhóm hàng xuất khẩu khác cũng tăng cao là thủy sản, đạt 15,81 triệu USD, tăng đến 30,59% so với 9 tháng năm 2023.

Đáng chú ý, từ đầu quý 3/2024 đến nay, sản phẩm từ chất dẻo tuy chỉ chiếm 2,11% tổng trị giá xuất khẩu các mặt hàng của Việt Nam sang New Zealand nhưng xuất khẩu nhóm hàng này luôn có mức tăng trưởng mạnh nhất, với kim ngạch xuất khẩu tháng 9/2024 tăng 31,5% so với tháng 8/2024, tăng 36,24% so với tháng 9/2023 và kim ngạch xuất khẩu trong 9 tháng năm 2024 tăng 36,08% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 11,06 triệu USD.

Bảng 3: Kim ngạch xuất khẩu một số hàng hoá của Việt Nam sang New Zealand tháng 9 và 9 tháng năm 2024

Mặt hàng	Tháng 9/2024			9 tháng năm 2024		Tỷ trọng trong 9T/2024 (%)
	Trị giá (triệu USD)	So T8/2024 (%)	So T9/2023 (%)	Trị giá (triệu USD)	So 9T/2023 (%)	
Tổng KNXX	59,86	-9,83	7,42	523,12	3,74	100,00
Hàng thủy sản	1,59	-27,93	-8,46	15,81	30,59	3,02
Hạt điều	1,48	-37,24	-25,38	15,50	10,96	2,96
Cà phê	0,12	-87,51	77,78	3,14	-19,28	0,60
Sản phẩm từ chất dẻo	1,53	31,5	36,24	11,06	36,08	2,11
Gỗ và sản phẩm gỗ	2,15	-30,36	4,24	16,32	12,38	3,12
Hàng dệt, may	4,18	-19,1	20,31	41,24	31,47	7,88
Giày dép các loại	4,37	-16,03	18,41	39,91	-0,88	7,63
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	7,34	-13,57	23,81	52,82	4,75	10,10
Điện thoại các loại và linh kiện	13,87	5,12	-6,75	151,82	-5,39	29,02
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	7,24	32,8	13,76	42,83	-8,74	8,19
Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ	0,65	-47,06	-30,45	5,01	5,62	0,96

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu hải quan

Nhập khẩu hàng hóa từ New Zealand

Nhập khẩu hàng hoá từ New Zealand tiếp tục giảm. Kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam từ thị trường này tháng 9/2024 đạt 51,51 triệu USD, giảm

11,53% so với tháng 8/2024 và tổng kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng từ New Zealand trong 9 tháng năm 2024 giảm 13,89% so với 9 tháng năm trước, đạt 452,54 triệu USD. Trong đó:

Sữa và sản phẩm sữa là nhóm hàng nhập nhiều nhất từ New Zealand (chiếm 46,80% tỷ trọng về trị giá trong cơ cấu các mặt hàng nhập khẩu từ New Zealand) nhưng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này giảm mạnh nhất. Cụ thể, kim ngạch nhập khẩu sữa và sản phẩm sữa tháng 9/2024 đã giảm 18,78% so với tháng 8/2024 và kim ngạch nhập khẩu trong 9 tháng 2024 giảm 28,71% so với cùng kỳ năm 2023.

Hàng rau quả là nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu cao thứ hai, chiếm 20,38% tỷ trọng, nhưng kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng trong tháng 9/2024 cũng giảm 4,47% so với tháng 9/2023, và kim ngạch nhập khẩu trong 9 tháng năm 2024 giảm 15,60% so với cùng kỳ năm ngoái.

Bảng 4: Kim ngạch nhập khẩu một số hàng hoá của Việt Nam từ New Zealand tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2024

Mặt hàng	Tháng 9 năm 2024			9 tháng năm 2024		Tỷ trọng trong 9T/2024 (%)
	Trị giá (USD)	So T8/2024 (%)	So T9/2023 (%)	Trị giá (triệu USD)	So 9T/2023 (%)	
Tổng KNNK	51,51	-11,53	53,63	452,54	-13,89	100,00
Sữa và sản phẩm sữa	19,97	-18,78	63,65	211,80	-28,71	46,80
Hàng rau quả	12,66	-4,47	7,23	92,25	-15,6	20,38
Gỗ và sản phẩm gỗ	6,16	-22,6	90,37	43,44	45,96	9,60
Phế liệu sắt thép	0,00			10,46	298,05	2,31
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	1,96	670,31	127,04	5,35	-13,38	1,18

Mặt hàng	Tháng 9 năm 2024			9 tháng năm 2024		Tỷ trọng trong 9T/2024 (%)
	Trị giá (USD)	So T8/2024 (%)	So T9/2023 (%)	Trị giá (triệu USD)	So 9T/2023 (%)	
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	0,71	12,21	2823,53	5,25	1,05	1,16
Sản phẩm hóa chất	0,10	-28,54	330,56	3,72	16,19	0,82
Sắt thép các loại	0,51			1,25	-9,55	0,28
Kim loại thường khác	0,00			1,17	-25,75	0,26

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu hải quan

Tuy nhiên, một số mặt hàng nhập khẩu từ New Zealand vẫn tăng, như kim ngạch nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ (mặt hàng có trị giá nhập khẩu cao thứ ba, chiếm 9,6% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ New Zealand) tháng 9/2024 tăng đến 90,37% so với tháng 9/2023 và kim ngạch nhập khẩu trong 9 tháng năm 2024 tăng 45,96% so với cùng kỳ 9 tháng năm 2023.

Phế liệu sắt thép là mặt hàng có trị giá nhập khẩu cao thứ tư trong các mặt hàng nhập khẩu từ New Zealand, cũng có trị giá nhập khẩu 9 tháng năm 2024 tăng mạnh tới 298,05% so với cùng kỳ năm ngoái.

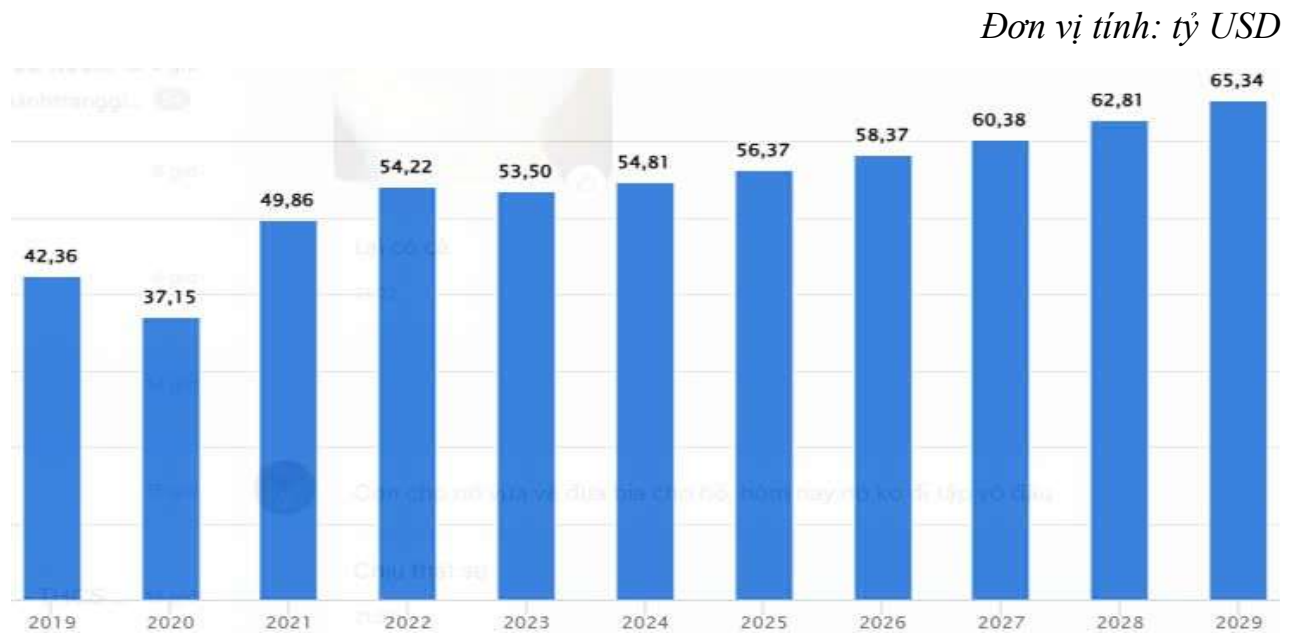
Triển vọng và dự báo

Theo Ngân hàng trung ương New Zealand (RBNZ), đất nước này đang trải qua một cuộc suy thoái kinh tế rõ rệt và tình hình có thể suy giảm sâu hơn. Trong Báo cáo Ổn định Tài chính của RBNZ cuối tháng 10/2024, các hộ gia đình đã giảm chi tiêu tùy ý và các doanh nghiệp đã tạm dừng kế hoạch đầu tư. Mặc dù niềm tin kinh doanh đang phục hồi khi lạm phát và lãi suất giảm, nhưng nền kinh tế vẫn có

nguy cơ suy yếu đáng kể. Tỷ lệ thất nghiệp gia tăng gây ra khó khăn tài chính cho nhiều hộ gia đình, càng làm hoạt động mua sắm của người tiêu dùng giảm đáng kể.

Theo statista.com, chính phủ New Zealand phải đối mặt với những thách thức đáng kể trong việc quản lý tài chính công, đặc biệt là trong thời kỳ suy thoái kinh tế. Lạm phát làm giảm sức mua của người tiêu dùng khiến chi phí sản xuất tăng. Giá cả tăng khiến hàng hóa và dịch vụ hàng ngày lại cao hơn. Điều này có thể làm lượng hàng hoá nhập khẩu tăng do người tiêu dùng New Zealand tăng nhu cầu đối với các sản phẩm có giá thấp hơn từ các quốc gia đang phát triển.

Biểu đồ 5: Kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của New Zealand từ năm 2019 và dự báo đến năm 2029



Nguồn: statista.com

- Yếu tố tác động tiêu cực

Các sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang thị trường New Zealand là máy móc, thiết bị điện/cơ khí, giày dép, quần áo, đồ nội thất bằng gỗ, trái cây tươi, sản phẩm nhựa.... Nhưng xuất khẩu những mặt hàng này sang New Zealand gặp sự cạnh tranh lớn với Trung Quốc, Hoa Kỳ, Úc, Đức, Italia, Anh và một số nước ASEAN (Malaysia, Indonesia, Thái Lan...). Chi phí logistics là một trong những

yếu tố hạn chế trong hoạt động xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam sang thị trường này. Trong khi đó, hàng Trung Quốc có giá rẻ nhờ chi phí logistics thấp.

Với các mặt hàng xuất khẩu chính nói trên, cơ cấu hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam chưa có tính bổ sung cao cho cơ cấu hàng nhập khẩu của New Zealand vì New Zealand có nhu cầu nhập khẩu nhiều nhiên liệu khoáng, xe các loại, thiết bị quang học, dược phẩm, phương tiện bay...

Ngoài ra, các quốc gia đã có FTA với New Zealand và các quốc gia được hưởng cơ chế ưu đãi GSP của New Zealand cũng tạo ra sức ép cạnh tranh nhất định đối với hàng hóa của Việt Nam tại thị trường này.

- Yếu tố tác động tích cực

Với tình hình suy thoái, lạm phát ngày càng leo thang, người tiêu dùng New Zealand đang ngày càng quan tâm đến giá cả. Vì vậy, nhu cầu của họ đối với các sản phẩm có giá cả phải chăng từ các nước đang phát triển như Việt Nam tăng lên. CPTPP chính thức có hiệu lực với New Zealand giúp cho các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam có thêm lợi thế cắt giảm thuế quan theo cam kết từ Hiệp định.

New Zealand có ngành công nghệ nông nghiệp hàng đầu thế giới, và một trong những thế mạnh của New Zealand là một nền nông nghiệp chống chịu hiệu quả với biến đổi khí hậu. Việt Nam thực sự cần những công nghệ đó, đặc biệt là ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long - nơi đang bị đe dọa bởi nhiều vấn đề môi trường khác nhau.